BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số: 63 /2026/TT-BKHCN	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2026

THÔNG TƯ

Công bố chi tiết Danh mục sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số hàng hóa (mã HS)

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương;

Căn cứ Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghiệp công nghệ thông tin;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư công bố chi tiết Danh mục sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số hàng hóa (mã HS).

Điều 1. Danh mục sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng cấm nhập khẩu

Công bố chi tiết Danh mục sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số hàng hóa (mã HS) theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 292/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý ngoại thương (sau đây gọi tắt là Danh mục cấm nhập khẩu).

Điều 2. Nguyên tắc xây dựng và quy định áp dụng Danh mục cấm nhập khẩu

1. Nguyên tắc xây dựng Danh mục cấm nhập khẩu:

a) Danh mục cấm nhập khẩu kèm theo mã số hàng hóa (mã HS) được xây

dựng trên cơ sở Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

b) Trường hợp mã số hàng hóa (mã HS) tại Danh mục cấm nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư này không thống nhất với Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì áp dụng theo quy định của pháp luật về hải quan;

c) Danh mục cấm nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

2. Các quy định áp dụng Danh mục cấm nhập khẩu:

a) Trường hợp Danh mục cấm nhập khẩu quy định đến nhóm 04 chữ số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã số hàng hóa (mã HS) 08 chữ số thuộc nhóm đó;

b) Trường hợp Danh mục cấm nhập khẩu quy định đến phân nhóm 06 chữ số thì áp dụng đối với toàn bộ các mã số hàng hóa (mã HS) 08 chữ số thuộc phân nhóm đó;

c) Trường hợp Danh mục cấm nhập khẩu quy định chi tiết đến mã số hàng hóa (mã HS) 08 chữ số thì chỉ áp dụng đối với mã số 08 chữ số đó;

d) Bộ phận, phụ kiện và cụm linh kiện, linh kiện điện tử đã qua sử dụng của các sản phẩm thuộc Danh mục cấm nhập khẩu cũng bị cấm nhập khẩu;

đ) Sản phẩm công nghệ số tân trang có mã số hàng hóa (mã HS) thuộc Danh mục cấm nhập khẩu ban hành kèm theo Thông tư này bị cấm nhập khẩu.

Sản phẩm công nghệ số tân trang quy định tại điểm này là sản phẩm công nghệ số đã qua sử dụng, được sửa chữa, thay thế linh kiện để phục hồi chức năng, chất lượng và hình thức tương đương sản phẩm mới; phải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, chế độ bảo hành và quy định về nhãn hàng hóa như đối với sản phẩm mới theo quy định của pháp luật;

e) Dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị, công cụ đã qua sử dụng đáp ứng tiêu chí được phép nhập khẩu theo quy định pháp luật về công nghiệp công nghệ số, phục vụ trực tiếp cho dự án đầu tư sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm vi mạch bán dẫn hoặc hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phát triển sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, không thuộc Danh mục cấm nhập khẩu.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

2. Thông tư số 11/2018/TT-BTTTT ngày 15 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố chi tiết Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu kèm theo mã số HS hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3

Điều này.

3. Đối với hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật trước ngày Thông tư này có hiệu lực, việc nhập khẩu được tiếp tục thực hiện theo nội dung và trong thời hạn hiệu lực của văn bản cho phép nhập khẩu.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, CNCNTT (20b).

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Vũ Hải Quân

Phụ lục

DANH MỤC SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ SỐ ĐÃ QUA SỬ DỤNG CẤM NHẬP KHẨU KÈM THEO MÃ SỐ HÀNG HÓA (MÃ HS)

(Kèm theo Thông tư số 63/2026/TT-BKHCN ngày 27 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Chương	Nhóm	Phân nhóm		Mô tả mặt hàng	Ghi chú
Chương 84	8443			Máy in sử dụng các bộ phận in như khuôn in (bát chữ), ống in và các bộ phận in khác của nhóm 84.42; máy in khác, máy copy (copying machines) và máy fax, có hoặc không kết hợp với nhau; bộ phận và các phụ kiện của chúng	- Loại trừ máy in, máy photocopy kỹ thuật số đa màu - Loại trừ máy in kỹ thuật số, máy photocopy kỹ thuật số loại đơn sắc (đen trắng) có hoặc không có kết hợp tính năng khác, đã qua sử dụng với tính năng in/copy khổ giấy A0 hoặc có tốc độ in/copy từ 35 bản/phút khổ giấy A4 trở lên
	8443	31	19	- - - - Loại khác	
	8443	31	29	- - - - Loại khác	
	8443	31	39	- - - - Loại khác	
	8443	32	19	- - - - Loại khác	
	8443	32	29	- - - - Loại khác	
	8443	32	39	- - - - Loại khác	
	8443	32	90	- - - Loại khác	
	8443	99	20	- - - Hộp mực in đã có mực in	Loại trừ hộp mực in laser

	8470			Máy tính và các máy ghi, tái tạo và hiển thị dữ liệu loại bỏ túi có chức năng tính toán; máy kế toán, máy đóng dấu bưu phí, máy bán vé và các loại máy tương tự, có gắn bộ phận tính toán; máy tính tiền	
	8471			Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng; đầu đọc từ tính hoặc đầu đọc quang học, máy truyền dữ liệu lên các phương tiện truyền dữ liệu dưới dạng mã hóa và máy xử lý những dữ liệu này, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác	
Chương 85	8517			Bộ điện thoại, kể cả điện thoại thông minh và điện thoại khác cho mạng di động tế bào hoặc mạng không dây khác; thiết bị khác để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dữ liệu khác, kể cả các thiết bị viễn thông nối mạng hữu tuyến hoặc không dây (như loại sử dụng trong mạng nội bộ hoặc mạng diện rộng), trừ loại thiết bị truyền hoặc thu của nhóm 84.43, 85.25, 85.27 hoặc 85.28	
	8518			Micro và giá đỡ micro; loa, đã hoặc chưa lắp ráp vào trong vỏ loa; tai nghe có khung chụp qua đầu và tai nghe không có khung chụp qua đầu, có hoặc không ghép nối với một	

				micro, và các bộ gồm có một micro và một hoặc nhiều loa; thiết bị điện khuếch đại âm tần; bộ tăng âm điện	
	8525			Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh	
	8526			Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến	
	8527			Thiết bị thu dùng cho phát thanh sóng vô tuyến, có hoặc không kết hợp với thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc với đồng hồ, trong cùng một khối	
	8528			Màn hình và máy chiếu, không gắn với thiết bị thu dùng trong truyền hình; thiết bị thu dùng trong truyền hình, có hoặc không gắn với máy thu thanh sóng vô tuyến hoặc thiết bị ghi hoặc tái tạo âm thanh hoặc hình ảnh	
	8534			Mạch in	
	8540			Đèn điện tử và ống điện tử dùng nhiệt điện tử, ca-tốt lạnh hoặc ca-tốt quang điện (ví dụ, đèn điện tử và ống đèn chân không hoặc nạp khí hoặc hơi, đèn và ống điện tử chỉnh lưu hồ	

				quang thủy ngân, ống điện tử dùng tia ca-tốt, ống điện tử camera truyền hình)	
	8542			Mạch điện tử tích hợp	
	8544			Dây điện, cáp điện (kể cả cáp đồng trục) có cách điện (kể cả loại đã tráng men cách điện hoặc mạ lớp cách điện) và các vật dẫn có cách điện khác, đã hoặc chưa gắn với đầu nối; cáp sợi quang, làm bằng các bó sợi đơn có vỏ bọc riêng biệt từng sợi, có hoặc không gắn với dây dẫn điện hoặc gắn với đầu nối	
	8544	42	11	- - - - Cáp điện thoại ngầm dưới biển; cáp điện báo ngầm dưới biển; cáp chuyển tiếp vô tuyến ngầm dưới biển	
	8544	42	13	- - - - Loại khác, cách điện bằng cao su, plastic hoặc giấy	
	8544	42	19	- - - - Loại khác	
	8544	42	21	- - - - Cáp điện thoại ngầm dưới biển; cáp điện báo ngầm dưới biển; cáp chuyển tiếp vô tuyến ngầm dưới biển	
	8544	42	23	- - - - Loại khác, cách điện bằng cao su, plastic hoặc giấy	
	8544	49	11	- - - - Cáp điện thoại ngầm dưới biển; cáp điện báo ngầm dưới biển; cáp	

				chuyển tiếp vô tuyến ngầm dưới biển	
	8544	49	13	- - - - Loại khác, cách điện bằng cao su, plastic hoặc giấy	
	8544	49	19	- - - - Loại khác	
	8544	49	21	- - - - Dây đơn có vỏ bọc (chống nhiễu) dùng trong sản xuất bó dây dẫn điện của ô tô	
	8544	49	22	- - - - - Cáp điện cách điện bằng plastic, trong đó mỗi lõi có đường kính không quá 19,5 mm	
	8544	49	23	- - - - - Cáp điện cách điện bằng plastic khác	
	8544	49	24	- - - - - Loại khác, cách điện bằng cao su, plastic hoặc giấy	
	8544	49	29	- - - - - Loại khác	
	8544	49	31	- - - - Cáp điện thoại ngầm dưới biển; cáp điện báo ngầm dưới biển; cáp chuyển tiếp vô tuyến ngầm dưới biển	
	8544	49	32	- - - - Loại khác, cách điện bằng plastic	
	8544	49	39	- - - - Loại khác	
	8544	70	10	- - Cáp điện thoại ngầm dưới biển; cáp điện báo ngầm dưới biển; cáp chuyển tiếp vô tuyến ngầm dưới biển	
	8544	70	90	- - Loại khác	